

Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1986

Trú tại: Bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CCCD: 038186019551, cấp ngày 06/4/2020; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội.

Bị đơn: Anh Lương Văn N – Sinh năm 1983

Trú tại: Bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CMND 172566616, cấp ngày 20/7/2010; Nơi cấp: Công an Thanh Hóa

Căn cứ vào điều 28, điều 35, điều 146, điều 147, điều 212, điều 213, điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 147, điều 148 và điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 3; điều 6; khoản 7 điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986 và anh Lương Văn N, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lương Văn N thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

(Quan hệ hôn nhân giữa anh chị Phạm Thị T và anh Lương Văn N chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung, tên cháu là Lương Ngọc L, sinh ngày 01/7/2012, hiện tại cháu đang ở với bố, cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Lương Ngọc L có bản ghi nguyện vọng muốn được ở với bố, chị Phạm Thị T và anh Lương Văn N thống nhất, giao cháu Lương Ngọc L, sinh ngày 01/7/2012 cho anh Lương Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thoả thuận và thống nhất, chị Phạm Thị T không phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết, chị Phạm Thị T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; anh Lương Văn N có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T và anh Lương Văn N đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận chị Phạm Thị T đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GD sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004341 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Phạm Thị T được nhận lại số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Lương Văn N phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Phạm Thị T;
- Bị đơn Lương Văn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Tiến Dũng**